

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2013/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 25 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động sáng kiến
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000; Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ sáng kiến;

Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 02 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ; Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Cường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2013/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 10 năm 2013 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này quy định về quản lý các hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có hoạt động sáng kiến triển khai trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Sáng kiến” là giải pháp kỹ thuật mới hoặc giải pháp tổ chức quản lý, sản xuất mới được áp dụng và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội do các tổ chức, cá nhân lao động sáng tạo ra và được tổ chức quản lý công nhận.

2. “Hoạt động sáng kiến” bao gồm các hoạt động tạo ra, áp dụng sáng kiến, công nhận sáng kiến, thực hiện quyền và nghĩa vụ liên quan đến sáng kiến.

3. “Tác giả sáng kiến” là cá nhân hoặc tập thể trực tiếp tạo ra sáng kiến bằng chính sức lao động và sự sáng tạo của mình.

Đồng tác giả sáng kiến là những người tham gia cùng nhau tạo ra sáng kiến.

4. “Chuyển giao sáng kiến” là việc truyền đạt toàn bộ kiến thức, thông tin về sáng kiến để người được chuyển giao có thể áp dụng sáng kiến.

5. “Sáng kiến cấp cơ sở” là sáng kiến được công nhận và áp dụng trong phạm vi cơ quan, đơn vị cụ thể.

6. “Sáng kiến cấp tỉnh” là sáng kiến được công nhận và áp dụng trên địa bàn của tỉnh.

7. “Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến” là cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tiến hành giao việc, thuê việc hoặc đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật cho tác giả để tạo ra sáng kiến.

8. “Áp dụng sáng kiến lần đầu” là việc áp dụng sáng kiến lần đầu tiên, kể cả áp dụng thử.

Điều 3. Đối tượng của sáng kiến

Đối tượng được coi là “Sáng kiến” là các giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiên bộ kỹ thuật (gọi chung là giải pháp).

1. Giải pháp kỹ thuật bao gồm:

a) Sản phẩm dưới dạng vật thể (dụng cụ, máy móc, thiết bị, linh kiện).

b) Sản phẩm dưới dạng chất (vật liệu, chất liệu, thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm).

c) Sản phẩm dưới dạng vật liệu sinh học (chủng vi sinh, chế phẩm sinh học, gen, thực vật, động vật biến đổi gen).

d) Giống cây trồng, giống vật nuôi.

e) Quy trình (quy trình công nghệ; phương pháp khảo sát, thiết kế, thi công; kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt; phương pháp chẩn đoán, chữa bệnh cho người, động vật và thực vật).

2. Giải pháp quản lý bao gồm phương pháp tổ chức (sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí nhân lực, phương tiện làm việc, máy móc, thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu, vật liệu), điều hành, kiểm tra, giám sát công việc trong kinh doanh (sản xuất, thương mại, dịch vụ), hành chính, sự nghiệp.

3. Giải pháp tác nghiệp là phương pháp thực hiện thao tác nghiệp vụ trong hoạt động kinh doanh (sản xuất, thương mại, dịch vụ), trong công tác quản lý hành chính, sự nghiệp, trong đó có:

a) Phương pháp thực hiện các thủ tục hành chính (tiếp nhận, xử lý hồ sơ, đơn thư, tài liệu).

b) Phương pháp thẩm định, giám định.

c) Phương pháp tuyên truyền, đào tạo (giảng dạy, huấn luyện).

4. Giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật là phương pháp, bí quyết hoặc biện pháp áp dụng một giải pháp kỹ thuật đã biết vào thực tiễn.

Điều 4. Các điều kiện công nhận sáng kiến

1. Sáng kiến được công nhận đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có tính mới trong phạm vi của cơ quan, đơn vị.

b) Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực.

2. Một giải pháp được coi là có tính mới trong phạm vi cơ sở hoặc tỉnh nếu tính đến trước ngày nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến hoặc ngày bắt đầu áp dụng thử hoặc áp dụng lần đầu (tính theo ngày nào sớm hơn), trong phạm vi cơ sở đó hoặc ở tỉnh, giải pháp đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Không trùng với nội dung của giải pháp trong đơn đăng ký sáng kiến nộp trước.

b) Chưa được bộc lộ công khai trong các văn bản, sách báo, tài liệu kỹ thuật đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện ngay được.

c) Không trùng với giải pháp của người khác đã được áp dụng hoặc áp dụng thử, hoặc đưa vào kế hoạch áp dụng, phổ biến hoặc chuẩn bị các điều kiện để áp dụng, phổ biến.

d) Chưa được quy định thành tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm bắt buộc phải thực hiện.

3. Một giải pháp được coi là có khả năng mang lại lợi ích thiết thực nếu việc áp dụng giải pháp đó có khả năng mang lại hiệu quả kinh tế (nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, nâng cao hiệu quả kỹ thuật), hoặc lợi ích xã hội (nâng cao điều kiện an toàn lao động, cải thiện điều kiện sống, làm việc, bảo vệ môi trường, sức khỏe con người).

Chương II **HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN**

Điều 5. Tổ chức Hội đồng sáng kiến

1. Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở

a) Người đứng đầu cấp cơ sở ra quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở.

b) Thành phần và số lượng:

+ Tùy theo quy mô của mỗi tổ chức, Chủ tịch Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở quy định về thành phần và số lượng thành viên tham gia;

+ Có thể (hoặc không) thành lập thường trực Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở tùy theo số lượng thành viên của mỗi Hội đồng nhưng phải đảm bảo ít nhất là 05 thành viên trở lên.

2. Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh

a) Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh do một Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng.

+ Các Phó Chủ tịch Hội đồng gồm: Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, Liên Đoàn Lao động tỉnh, Liên Hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh;

+ Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Cơ quan thường trực Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh là Sở Khoa học và Công nghệ.

c) Thành phần và số lượng Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh do Chủ tịch Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh quyết định nhưng phải đảm bảo ít nhất là 09 thành viên trở lên.

d) Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh chỉ xem xét, công nhận những sáng kiến đã được Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở đề nghị bằng văn bản.

Điều 6. Nhiệm vụ Hội đồng Sáng kiến

1. Hội đồng Sáng kiến có nhiệm vụ tổ chức đánh giá một cách khách quan, trung thực giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến theo các điều kiện quy định tại Điều 3 và Điều 4 Quy định này và lập báo cáo đánh giá, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên, kết quả của Hội đồng.

2. Những giải pháp đạt giải thưởng từ giải khuyến khích đến giải nhất trong các Hội thi sáng tạo kỹ thuật các cấp, ngành hoặc Hội thi sáng tạo kỹ thuật thanh thiếu niên nhi đồng được Hội đồng sáng kiến xem xét, công nhận sáng kiến ở cấp tương đương.

3. Cơ quan Thường trực Hội đồng Sáng kiến tiếp nhận hồ sơ, xem xét, kiểm tra hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến hoặc làm các thủ tục cho rút đơn yêu cầu công nhận sáng kiến khi người đã nộp đơn có yêu cầu.

4. Chủ tịch Hội đồng Sáng kiến ra quyết định thành lập Hội đồng chuyên ngành (bao gồm các chuyên gia, người có trình độ chuyên môn phù hợp) để tư vấn về mặt chuyên môn cho Hội đồng Sáng kiến trên các lĩnh vực.

5. Tổ chức xét duyệt và ra quyết định công nhận sáng kiến.

6. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về giữ bí mật, công bố thông tin có liên quan đến sáng kiến là đối tượng được xét duyệt, công nhận.

Điều 7. Chế độ làm việc

1. Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh họp định kỳ vào khoảng thời gian đầu tuần tháng 11 hàng năm để xem xét công nhận sáng kiến.

2. Các Thành viên Hội đồng có trách nhiệm tham gia trong các kỳ họp, trừ trường hợp đặc biệt, nếu vắng mặt thì phải được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng và phải gửi phiếu nhận xét đánh giá đến cơ quan Thường trực của Hội đồng trước ngày tổ chức họp.

3. Thành viên Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, được hưởng chế độ bồi dưỡng theo quy định hiện hành.

- Các kỳ họp của Hội đồng phải có ít nhất 2/3 số thành viên có mặt mới được coi là họp lệ và hoạt động theo nguyên tắc tập trung, thống nhất và bỏ phiếu kết quả;

- Sáng kiến được công nhận phải đạt từ 75% số phiếu họp lệ của thành viên Hội đồng trở lên và đạt chuẩn mức điểm quy định của Hội đồng sáng kiến.

Điều 8. Kinh phí hoạt động của Hội đồng Sáng kiến

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở được đảm bảo từ nguồn kinh phí của UBND huyện, thị xã, thành phố, các Sở, Ban ngành, đoàn thể, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong dự toán khoản chi hàng năm của đơn vị.

2. Kinh phí hoạt động của Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh được đảm bảo từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ của tỉnh.

Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm lập dự toán kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh trong dự toán của ngành mình trình cấp có thẩm quyền xét duyệt.

Chương III

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC, TRÌNH TỰ XÉT, CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 9. Thẩm quyền công nhận sáng kiến

1. Chủ tịch Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở ra quyết định công nhận sáng kiến nơi cấp mình quản lý.

2. Chủ tịch Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh ra quyết định công nhận sáng kiến ở cấp tỉnh.

Điều 10. Hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Đối với giải pháp đã được áp dụng, thời hiệu thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định là 01 năm kể từ ngày sáng kiến được đưa vào áp dụng lần đầu.

2. Hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến được đánh máy, trình bày rõ ràng, không tẩy xóa trên khổ giấy A4, theo mẫu, được coi là hợp lệ theo quy định gồm:

- a) Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến.
- b) Các tài liệu, giấy tờ, hình ảnh liên quan (nếu thấy cần thiết).
- c) Đối với sáng kiến cấp tỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở.

3. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến làm theo mẫu, bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Địa phương, ngành, cơ quan được yêu cầu công nhận sáng kiến.
- b) Tác giả sáng kiến; hoặc các đồng tác giả sáng kiến và tỷ lệ đóng góp của từng đồng tác giả.
- c) Sáng kiến được yêu cầu công nhận:
 - + Tên sáng kiến;
 - + Lĩnh vực áp dụng;
 - + Mô tả bản chất của sáng kiến.
- d) Khả năng áp dụng của sáng kiến.
- e) So sánh lợi ích kinh tế, xã hội của sáng kiến trong đơn với những sáng kiến tương tự đã biết ở cơ sở: Cần nêu rõ sáng kiến đem lại hiệu quả kinh tế, lợi ích xã hội cao hơn như thế nào hoặc khắc phục được những nhược điểm nào của sáng kiến đã biết trước đó; tính số tiền làm lợi (nếu có thể) và nêu cách tính cụ thể.
- g) Những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có).

4. Hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến cấp tỉnh lập thành 02 bộ gửi về cơ quan thường trực Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh.

Điều 11. Tiếp nhận, xem xét hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Cấp cơ sở: Do chủ tịch Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở quyết định.
2. Cấp tỉnh: Thường trực Hội đồng cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến bắt đầu từ tháng 6 của năm và hạn cuối cùng đến hết tháng 10 của năm.
3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc nhận hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến, Thường trực Hội đồng Sáng kiến có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ trình Hội đồng Sáng kiến xem xét.

Điều 12. Trình tự xét công nhận sáng kiến

Việc xét công nhận sáng kiến được thực hiện trong thời hạn không quá 01 tháng kể từ ngày chấp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, bao gồm:

1. Tổ chuyên viên kiểm tra, phân loại, tổng hợp hồ sơ đăng ký sáng kiến của cá nhân và tập thể thông qua Thường trực Hội đồng.
2. Thường trực Hội đồng tham mưu Chủ tịch Hội đồng Sáng kiến ra quyết định thành lập Hội đồng chuyên ngành.
3. Tổ chuyên viên sao gửi hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến để Thường trực Hội đồng xem xét, thẩm định và có ý kiến.

4. Thường trực Hội đồng sáng kiến sao gửi hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến gửi các thành viên Hội đồng nghiên cứu trước khi họp Hội đồng.

5. Họp xét phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến:

+ Thường trực Hội đồng báo cáo số lượng, nội dung và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến trình ra Hội đồng;

+ Các thành viên Hội đồng phát biểu ý kiến, nhận xét, đánh giá;

+ Các thành viên Hội đồng tiến hành bỏ phiếu;

+ Ủy viên thư ký Hội đồng kiểm phiếu và công bố kết quả bỏ phiếu;

+ Chủ tịch Hội đồng kết luận.

6. Những trường hợp đủ điều kiện công nhận sáng kiến thì Hội đồng chuyên ngành trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phiên họp phải trình Chủ tịch Hội đồng sáng kiến ra quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận sáng kiến.

Điều 13. Công nhận sáng kiến

1. Công nhận sáng kiến cấp cơ sở:

a) Căn cứ biên bản của Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở, Chủ tịch Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở ra Quyết định công nhận sáng kiến và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến.

b) Sáng kiến cấp cơ sở được công nhận là cơ sở để xét, công nhận Chiến sĩ thi đua cơ sở hàng năm.

2. Công nhận sáng kiến cấp tỉnh

a) Căn cứ biên bản của Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh, Chủ tịch Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh ra Quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến.

b) Giấy chứng nhận sáng kiến cấp tỉnh được cấp cho cá nhân có sáng kiến. Đối với sáng kiến của một tập thể tác giả (đồng tác giả) thì Giấy chứng nhận sáng kiến được cấp có ghi tên từng người.

c) Sáng kiến cấp tỉnh được công nhận là cơ sở để xét, công nhận Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh hàng năm.

Chương IV

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ TẠO RA SÁNG KIẾN, TÁC GIẢ SÁNG KIẾN VÀ NGƯỜI THAM GIA TỔ CHỨC ÁP DỤNG SÁNG KIẾN LẦN ĐẦU

Điều 14. Quyền của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến

1. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến có các quyền sau đây:

a) Áp dụng sáng kiến.

b) Chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng theo thỏa thuận giữa các bên và bảo đảm tuân thủ pháp luật nhà nước.

2. Việc áp dụng, chuyển giao sáng kiến không được xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ, các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác và không được trái với quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ.

Điều 15. Nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

1. Trước khi kết thúc 04 năm kể từ ngày sáng kiến được công nhận, nếu chủ sở hữu sáng kiến áp dụng sáng kiến hoặc chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng thì có nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả sáng kiến và những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu theo thỏa thuận giữa các bên hoặc theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này trong trường hợp các bên không có thỏa thuận.

2. Trường hợp chủ sở hữu sáng kiến là tổ chức kinh doanh hoặc là đơn vị sự nghiệp có thu và hạch toán độc lập, nếu giữa tác giả sáng kiến và chủ sở hữu sáng kiến không có thỏa thuận thì việc trả thù lao được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Thù lao trả hàng năm trong 03 năm đầu tiên áp dụng sáng kiến, trả trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày kết thúc mỗi năm áp dụng, với mức tối thiểu bằng 07% tiền làm lợi thu được do áp dụng sáng kiến của mỗi năm áp dụng, hoặc trường hợp không tính được tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến, được trả với mức tối thiểu bằng 05 lần mức lương tối thiểu chung theo quy định của Nhà nước tại thời điểm trả thù lao.

b) Thù lao trả trong 03 năm kể từ ngày sáng kiến được công nhận, cho mỗi lần chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng, trả trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày nhận thanh toán của mỗi lần chuyển giao, với mức tối thiểu bằng 15% giá chuyển giao.

3. Trường hợp chủ sở hữu sáng kiến không phải là tổ chức kinh doanh và không phải là đơn vị sự nghiệp có thu và hạch toán độc lập, nếu giữa tác giả sáng kiến và chủ sở hữu sáng kiến không có thỏa thuận thì việc trả thù lao cho tác giả sáng kiến được thực hiện tùy theo lãnh đạo đơn vị để có mức khen thưởng phù hợp.

4. Nghĩa vụ trả thù lao cho những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu được thực hiện cùng lúc với mỗi lần trả thù lao cho tác giả sáng kiến, với mức tối thiểu bằng 20% mức thù lao cho tác giả sáng kiến nếu giữa những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu và chủ sở hữu sáng kiến không có thỏa thuận khác.

5. Thù lao quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này được trả chung cho tất cả các đồng tác giả, thù lao quy định tại Khoản 4 Điều này được trả chung cho tất cả những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu và những người này tự thỏa thuận việc phân chia.

Điều 16. Xác định tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến

1. Tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến là tổng số tiền tiết kiệm được từ tất cả các nguồn lực (nhân lực, thời gian, chi phí, công đoạn, quy trình làm việc, tiền vốn, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng, khấu hao tài sản cố định) trực tiếp đạt được từ việc áp dụng sáng kiến, sau khi đã trừ các chi phí phát sinh do việc áp dụng sáng kiến.

2. Tiền làm lợi trực tiếp được xác định trên cơ sở so sánh thực trạng kinh tế, kỹ thuật trước và sau khi áp dụng sáng kiến.

3. Tiền làm lợi gián tiếp từ việc áp dụng sáng kiến, bao gồm khoản tiết kiệm được từ những khoản không phải là chi phí trực tiếp cho quá trình áp dụng sáng kiến hoặc lợi ích thu được từ việc tiếp tục sử dụng các nguồn lực (nhân lực, tiền vốn, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu) đã tiết kiệm được do áp dụng sáng kiến, đều không được tính khi xác định tiền làm lợi.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

1. Tác giả sáng kiến có các quyền sau đây:

- a) Yêu cầu công nhận sáng kiến theo Quy định này.
- b) Nhận thù lao theo quy định tại Điều 15 Quy định này.
- c) Hưởng các chế độ khuyến khích khác theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.
- d) Áp dụng và chuyển giao sáng kiến theo quy định tại Khoản 2, Điều 15 Quy định này trong trường hợp sáng kiến được tạo ra không thuộc công việc được giao, được thuê và không sử dụng kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.

2. Người tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu có quyền nhận thù lao theo quy định tại Khoản 4 Điều 15 Quy định này.

3. Tác giả sáng kiến có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Cung cấp đầy đủ các thông tin về sáng kiến đến mức có thể áp dụng được cho cơ sở công nhận sáng kiến.
- b) Tham gia triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu.
- c) Giữ bí mật thông tin về sáng kiến theo thỏa thuận với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và theo quy định của pháp luật.

4. Người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Cung cấp các thông tin chi tiết về việc áp dụng sáng kiến cho tổ chức xét công nhận sáng kiến.
- b) Giữ bí mật thông tin theo thỏa thuận với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ liên quan đến sáng kiến được bảo hộ sở hữu trí tuệ

Trong trường hợp sáng kiến đã được công nhận nhưng sau đó lại được bảo hộ sở hữu trí tuệ thì áp dụng các quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ từ thời điểm quyền sở hữu trí tuệ được xác lập hoặc phát sinh.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm giúp UBND tỉnh tổ chức chỉ đạo thống nhất quản lý hoạt động sáng kiến, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc thực hiện Quy định này, bao gồm:

a) Xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành văn bản quy định về quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức tuyên truyền phổ biến các quy định pháp luật về sáng kiến của Trung ương và địa phương.

c) Chủ trì, phối hợp với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, Liên đoàn Lao động, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các Sở, Ban ngành của tỉnh tổ chức tổng kết hoạt động sáng kiến cấp tỉnh theo Quy định này.

d) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tiến hành thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với các sáng kiến có khả năng được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp.

e) Tư vấn, hỗ trợ cung cấp thông tin cho các tác giả sáng kiến trong việc tạo ra, hoàn thiện sáng kiến và khai thác sáng kiến trên cơ sở đề nghị của tác giả sáng kiến.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban ngành, cơ quan, đoàn thể thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã, Giám đốc các doanh nghiệp, các tổ chức trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ của mình tuân thủ Quy định này, đồng thời tiến hành xây dựng các quy định liên quan phù hợp với thực tế hoạt động của đơn vị mình và đảm bảo quy định của pháp luật.

3. Hàng năm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh.

Điều 20. Điều khoản thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký Quyết định ban hành.

Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, cần sửa đổi bổ sung, đề nghị các cơ quan báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ) giải quyết.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Kính gửi:

Tôi (chúng tôi) ghi tên dưới đây:

TT	Họ tên tác giả	Ngày sinh	Nơi công tác (hoặc nơi ở)	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ (%) đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến	Ký tên

Là tác giả (nhóm tác giả) đề nghị xét công nhận sáng kiến:

.....
Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến (trường hợp tác giả không đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến:

.....
Lĩnh vực áp dụng sáng kiến:

.....
Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu hoặc áp dụng thử (ghi ngày nào sớm hơn)

.....
Những thông tin cần được bảo mật (nếu có):

.....
Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả:

.....
Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tổ chức, cá nhân đã tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu, kể cả áp dụng thử (nếu có):

.....
.....
Danh sách những người đã tham gia áp dụng thử hoặc áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có):

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác (hoặc nơi thường trú)	Chức danh	Trình độ Chuyên môn	Nội dung công việc hỗ trợ

Tôi (chúng tôi) xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Người nộp đơn
(Họ tên và chữ ký)